

CHÍNH PHỦ
Số: 51/2021/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia; quản lý, bảo vệ khoáng sản và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi chung là dự án đầu tư) tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Chương II

KHOANH ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA VÀ THỜI GIAN DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Điều 3. Khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Việc khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Khoáng sản và không thuộc quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.

2. Việc xác định thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Thời gian dự trữ tối đa theo quy định đối với các khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên để phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng theo quy hoạch hệ thống du lịch; để phát triển các dự án công nghiệp thân thiện với môi trường theo quy hoạch ngành quốc gia có liên quan;

b) Đối với các khu vực không thuộc quy định tại điểm a khoản này, thời gian dự trữ khoáng sản được xác định theo yêu cầu huy động khoáng sản để thăm dò, khai thác đáp ứng nhu cầu sử dụng khoáng sản phục vụ phát triển các ngành kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ của Chiến lược khoáng sản và quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản liên quan.

3. Khu vực có khoáng sản được khoanh định là khu vực dự trữ quốc gia phải thể hiện các nội dung chính sau đây:

a) Loại khoáng sản; tọa độ các điểm góc, diện tích, mức sâu của khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;

b) Số lượng tài nguyên, trữ lượng của khu vực khoáng sản dự trữ khoáng sản quốc gia;

c) Thời gian dự trữ khoáng sản.

Điều 4. Phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức khoanh

định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm:

- a) Báo cáo tổng hợp về khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, trong đó nêu cụ thể thông tin về: mức độ điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản trong khu vực đề nghị phê duyệt; hiện trạng sử dụng đất, các công trình, dự án trên mặt tại thời điểm khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (nếu có);
- b) Tờ trình đề nghị phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, gồm các thông tin chính sau: loại khoáng sản cần dự trữ; tài nguyên, trữ lượng từng loại khoáng sản cần dự trữ; tọa độ, diện tích, mức sâu, địa danh khu vực được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; thời gian dự trữ loại khoáng sản đó;
- c) Dự thảo Quyết định phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;
- d) Bản đồ khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thể hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm:

- a) Tờ trình đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, gồm các nội dung chính: tài nguyên, trữ lượng loại khoáng sản cần bổ sung hoặc đưa ra khỏi khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; tọa độ, diện tích, mức sâu, địa danh khu vực đề nghị điều chỉnh; lý do đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.
- b) Dự thảo Quyết định điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;
- c) Bản đồ khu vực đề nghị điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thể hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng; Công an; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khoáng sản được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

Điều 5. Điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Việc điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã phê duyệt được thực hiện một trong các trường hợp sau:

1. Bổ sung vào danh mục khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia khi có phát hiện mới về khoáng sản đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Khoáng sản và khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Đưa ra khỏi danh mục một phần hay toàn bộ khu vực khoáng sản đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia trong các trường hợp sau đây:

a) Để bổ sung vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh; thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo công khai, minh bạch.

Điều 6. Thời gian dự trữ tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia tối đa là 50 năm theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp đặc biệt, đối với một số khu vực, một số loại khoáng sản đặc thù, thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia có thể lớn hơn 50 năm nhưng không quá 70 năm, do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Trường hợp khi thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia đã hết mà chưa có nhu cầu bổ sung khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản có liên quan thì tiếp tục gia hạn thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia. Việc xác định thời gian dự trữ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều này.

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO VỆ KHOÁNG SẢN VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI CÁC KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Điều 7. Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải được bảo vệ nghiêm ngặt theo quy định của Luật Khoáng sản, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư tại các khu vực đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

a) Bảo vệ khoáng sản trong phạm vi khu vực triển khai dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nghiêm cấm lợi dụng việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình để khai thác khoáng sản nằm trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, ngoài việc bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm và khối lượng khoáng sản bị khai thác trái phép, chủ đầu tư dự án còn bị đình chỉ có thời hạn việc thực hiện dự án đầu tư hoặc bị thu hồi quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Không thực hiện dự án đầu tư sau đây tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:

a) Các dự án đầu tư có mục đích sử dụng đất lâu dài, trừ các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng;

b) Các công trình xây dựng thuộc cấp công trình đặc biệt, cấp I theo quy định pháp luật về xây dựng, trừ dự án quan trọng quốc gia thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổ chức, cá nhân khi lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải có đánh giá tác động, mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng khoáng sản đã được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thuộc phạm vi dự án; phải có giải pháp bảo vệ loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nêu trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

3. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm: